

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 49/2020/HS-ST

Ngày: 06-3-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Ông Triệu Văn Giản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 14-02-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 21-02-2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xóm 4, Tiền Phong II, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc N và bà Đỗ Thị P; bị cáo có chồng Cao Duy H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-11-2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Đào Thị Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn Vị Lương, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm 1, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Bà Trần Thị S, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn 9, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

(Bị hại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là đối tượng không có việc làm ổn định, thường xuyên lang thang tại các khu vực chợ trên địa bàn thành phố tìm kiếm sơ hở của người dân và những người buôn bán để trộm cắp tài sản.

Khoảng 09 giờ ngày 19-10-2019 Nguyễn Thị T giả làm người mua hàng lang thang tại khu vực chợ Đò Quan, phường C, thành phố N tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến khu vực quầy bán thịt bò của chị Đào Thị Đ quan sát thấy chị Đ để chiếc điện thoại Oppo F5 màu vàng ở phía trong quầy, lợi dụng khi chị Đ đang thái thịt cho khách quay lưng lại phía chiếc điện thoại, T áp sát dùng tay phải lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần của mình rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Với thủ đoạn tương tự, khoảng 7 giờ 15 phút ngày 26-11-2019, T đến khu vực quầy bán trứng của chị Phạm Thị H tại chợ Đò Quan thấy chị H để 01 chiếc điện thoại Samsung J1 màu vàng cạnh chỗ ngồi của mình, lợi dụng khi có khách vào mua hàng, quan sát thấy chị H không quản lý tài sản, T dùng tay phải lấy chiếc điện thoại giấu vào cặp quần của mình rồi nhanh chóng tẩu thoát. Ngay sau đó khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến quầy hàng bán hoa quả số 44 của bà Trần Thị S, T vào quầy hàng bảo bà S bán cho T 20.000 đồng tiền cam, sau khi trả tiền T cầm túi cam vòng ra sau bà S chờ thời điểm sơ hở. Khoảng 05 phút sau thì có khách hỏi mua hàng, lợi dụng lúc bà S đang cắt buồng chuối bán cho khách, T dùng tay trái cầm lấy chiếc túi xách màu nâu bên trong đựng tiền của bà S giấu vào trong người rồi tẩu thoát. Đúng lúc này thì chị Phạm Thị Vui nhìn thấy tri hô. Bà S cùng quần chúng nhân dân đuổi bắt, cùng lúc này lực lượng Công an phường C làm nhiệm vụ tại khu vực gần đó đã phối hợp bắt giữ T và đưa T về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Kiểm tra túi xách T vừa trộm cắp của bà S bên trong túi có số tiền 2.280.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại Nokia 106 màu đen, 01 điện thoại Oppo F5 màu vàng, 01 điện thoại Samsung J2 màu vàng, 01 điện thoại Samsung J1 màu vàng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như trên.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố N đã định giá chiếc điện thoại Oppo F5 thu giữ có giá trị 2.100.000 đồng, chiếc điện thoại Samsung J1 thu giữ có giá trị 530.000 đồng. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc túi xách cùng số tiền 2.280.000 đồng cho bà Trần Thị S, trả lại chiếc điện thoại Oppo F5 cho chị Đào Thị Đ, trả lại chiếc điện thoại Samsung J1 cho chị Phạm Thị H. Bà S, chị Đ, chị H đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 27/CT-VKSTPND ngày 13-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị T xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai vì không kiểm chế được lòng tham và lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Oppo F5 của chị Đào Thị Đ, 01 chiếc điện thoại Samsung J1 của chị Phạm Thị H, 01 chiếc túi xách cùng số tiền 2.280.000 đồng của bà Trần Thị S và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới; thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; tài sản chiếm đoạt không lớn và đã thu hồi trả lại bị hại; chồng bị cáo có đơn đề nghị xác nhận bị cáo có con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị được xem xét cho hưởng án treo, được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
 - Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.
 - Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại Nguyễn Thị T chiếc điện thoại di động Nokia 106 màu đen đã cũ nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.
 - Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị T có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo và lời khai của bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 09 giờ ngày 19-10-2019 lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã len lút chiếm đoạt của chị Đào Thị Đ chiếc điện thoại Oppo F5 trị giá 2.100.000 đồng, khoảng 7 giờ 15 phút đến 07 giờ 30 phút ngày 26-11-2019 chiếm đoạt của chị Phạm Thị H chiếc điện thoại Samsung J1 trị giá 530.000 đồng và chiếm đoạt của bà Trần Thị S số tiền 2.280.000 đồng tại khu vực chợ Đò Quan, phường C, thành phố N. Hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có tổng giá trị 4.910.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; tài sản chiếm đoạt không lớn và đã thu hồi trả lại bị hại; chồng bị cáo có đơn đề nghị xác nhận bị cáo có con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị được xem xét cho hưởng án treo, được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ như có nơi cư trú rõ ràng; tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị không lớn và đã thu hồi trả lại cho bị hại; chồng bị cáo có đơn đề nghị xác nhận bị cáo có con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị được xem xét cho hưởng án treo, được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử Quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách như Viện kiểm sát đề xuất để bị cáo cải tạo tại địa phương có sự giám sát giáo dục của Ủy ban nhân dân nơi cư trú cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Đào Thị Đ, chị Phạm Thị H, bà Trần Thị S đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động Nokia 106 màu đen đã cũ là tài sản riêng của bị cáo, xét thấy không phải là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 65, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 4 Điều 328, Điều 106, Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo có thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 11 năm 2019 đến ngày 06 tháng 3 năm 2020).

- Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị T ngay tại phiên toà, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã xã N, huyện N, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục.

- Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động Nokia 106 màu đen đã cũ nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án (Vật chứng có đặc điểm như biên bản

giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Đào Thị Đ, chị Phạm Thị H và bà Trần Thị S được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Toà án ND.Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND.Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP.N;
- Công an TP.N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên